

DANH SÁCH THÍ SINH THUỘC DIỆN TRÚNG TUYỂN VÀO TỔNG CỤC THADS
VÀ CƠ QUAN THADS TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TRONG HỆ THỐNG THADS NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Thông báo số 379 /TB-HĐTD ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng tuyển dụng công chức)

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
A	CƠ QUAN TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ													
A.1.	Vị trí Giải quyết khiếu nại, tố cáo về Thi hành án: 04 chỉ tiêu													
1	Tổng cục THADS	0004	Đoàn Minh Dương	Nam	2001	Giải quyết KNTC về THA	Vụ Giải quyết khiếu nại, tố cáo		80.3		80.3	x		
2	Tổng cục THADS	0001	Lê Hồng Anh	Nữ	2002	Giải quyết KNTC về THA	Vụ Giải quyết khiếu nại, tố cáo		78.5		78.5	x		
3	Tổng cục THADS	0006	Đào Thị Hương Giang	Nữ	2001	Giải quyết KNTC về THA	Vụ Giải quyết khiếu nại, tố cáo		69.3		69.3	x		
4	Tổng cục THADS	0014	Lê Trịnh Nguyễn	Nam	2000	Giải quyết KNTC về THA	Vụ Giải quyết khiếu nại, tố cáo		62.8		62.8	x		
A.2.	Vị trí Quản lý Thi hành án hành chính: 04 chỉ tiêu													
1	Tổng cục THADS	0033	Bùi Nhật Minh	Nam	1999	Quản lý THA hành chính	Vụ Nghiệp vụ 3		74.0		74.0	x		
2	Tổng cục THADS	0039	Trần Thanh Khánh Phương	Nữ	1997	Quản lý THA hành chính	Vụ Nghiệp vụ 3		58.5		58.5	x		
3	Tổng cục THADS	0024	Phạm Ngọc Bảo	Nam	1998	Quản lý THA hành chính	Vụ Nghiệp vụ 3		57.5		57.5	x		
4	Tổng cục THADS	0027	Nguyễn Trần Cẩm Chi	Nữ	2001	Quản lý THA hành chính	Vụ Nghiệp vụ 3		55.5		55.5	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
A.3. Vị trí Quản lý Thi hành án dân sự: 05 chỉ tiêu														
1	Tổng cục THADS	0071	Ninh Thị Hồng Nhung	Nữ	2000	Quản lý THADS	Vụ Nghiệp vụ 2		77.5		77.5	x		
2	Tổng cục THADS	0055	Nguyễn Đức Thành	Nam	1998	Quản lý THADS	Vụ Nghiệp vụ 1		74.5		74.5	x		
3	Tổng cục THADS	0056	Chu Phương Thủy	Nữ	2001	Quản lý THADS	Vụ Nghiệp vụ 1		73.0		73.0	x		
4	Tổng cục THADS	0048	Nguyễn Hoàng Phương Dung	Nữ	2001	Quản lý THADS	Vụ Nghiệp vụ 1		72.0		72.0		x	Vụ Nghiệp vụ 2 : 01 chỉ tiêu
5	Tổng cục THADS	0066	Bùi Thị Mai Linh	Nữ	2000	Quản lý THADS	Vụ Nghiệp vụ 2		65.0	5	70.0	x		
A.4. Vị trí Xây dựng kế hoạch (lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản): 01 chỉ tiêu														
1	Tổng cục THADS	0253	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	1994	XDKH (l.vực đ.tư XDCCB)	Vụ Kế hoạch - Tài chính		73.5		73.5	x		
A.5. Vị trí Văn thư: 01 chỉ tiêu														
1	Tổng cục THADS	0275	Nguyễn Trảng Tiến	Nam	1991	Văn thư	Văn phòng	x	81.5		81.5	x		
B CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ														
B.1. Tổ chức Thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự														
B.1.1. An Giang: 3 chỉ tiêu														
1	tỉnh An Giang	0286	Huỳnh Thị Ngọc Nhi	Nữ	1998	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		82.0		82.0	x		Cục THADS tỉnh An Giang : 01 chỉ tiêu
2	tỉnh An Giang	0290	Trương Thị Diễm Trinh	Nữ	1997	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Thoại Sơn		72.0		72.0	x		
3	tỉnh An Giang	0291	Ngô Thị Kim Xuyên	Nữ	1994	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Thoại Sơn		66.5		66.5		x	

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
B.1.2. Bà Rịa-Vũng Tàu: 5 chỉ tiêu														
1	tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0303	Đào Việt Thắng	Nam	1992	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ		58.0		58.0	x		Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc : 01 chỉ tiêu; huyện Châu Đức : 01 chỉ tiêu
2	tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0295	Nguyễn Phúc Huy	Nam	2001	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Long Điền		57.0		57.0	x		
3	tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0298	Phan Thị Cẩm Tiên	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Long Điền		55.0		55.0		x	
4	tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0297	Đỗ Tuấn Phúc	Nam	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Long Điền		53.0		53.0		x	
5	tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0292	Ngô Thị Trà Giang	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Châu Đức		52.0		52.0	x		
B.1.3. Bắc Giang: 3 chỉ tiêu														
1	tỉnh Bắc Giang	0081	Hứa Văn Sâm	Nam	1994	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		70.5	5	75.5	x		Chi cục THADS huyện Hiệp Hoà : 01 chỉ tiêu
2	tỉnh Bắc Giang	0075	Nguyễn Phương Anh	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		73.0		73.0		x	
3	tỉnh Bắc Giang	0087	Nguyễn Phương Nam	Nam	1995	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Lục Ngạn		72.0		72.0	x		
B.1.4. Bạc Liêu: 5 chỉ tiêu														
1	tỉnh Bạc Liêu	0304	Trần Tuyết Linh	Nữ	1992	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		67.5		67.5	x		Chi cục THADS huyện Giá Rai : 1 chỉ tiêu, Hồng Dân : 1 chỉ tiêu 1, huyện Đông Hải 2 chỉ tiêu
2	tỉnh Bạc Liêu	0306	Lê Tuyết Nhi	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		61.5		61.5		x	
3	tỉnh Bạc Liêu	0305	Trịnh Thuý Linh	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		51.5		51.5		x	

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
B.1.5. Bến Tre: 3 chỉ tiêu														
1	tỉnh Bến Tre	0310	Phạm Ngọc Nguyên Nhung	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		73.5		73.5	x		Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Bến Tre	0309	Lê Thị Diễm	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		66.5		66.5	x		
3	tỉnh Bến Tre	0311	Nguyễn Thị Minh Thư	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		61.5		61.5		x	
B.1.6. Bình Dương: 18 chỉ tiêu														
1	tỉnh Bình Dương	0313	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	2002	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		82.0		82.0	x		Chi cục THADS huyện Thuận An : 3 chỉ tiêu, huyện Tân Uyên : 1 chỉ tiêu, huyện Bến Cát : 3 chỉ tiêu, huyện Bàu Bàng : 1 chỉ tiêu, huyện Bắc Tân Uyên : 1 chỉ tiêu, huyện Dầu Tiếng : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Bình Dương	0318	Trương Thị Trang	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		80.0		80.0	x		
3	tỉnh Bình Dương	0328	Phan Hữu Nghĩa	Nam	2002	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS TP. Thuận An		75.8		75.8	x		
4	tỉnh Bình Dương	0331	Phạm Hà Thanh Thảo	Nữ	1997	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS TP.Thủ Dầu Một		70.5		70.5	x		
5	tỉnh Bình Dương	0319	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	Nữ	1996	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		66.8		66.8	x		
6	tỉnh Bình Dương	0321	Huỳnh Kim Ngân	Nữ	1992	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS TP. Dĩ An		64.0		64.0	x		
7	tỉnh Bình Dương	0324	Trần Đức Dũng	Nam	1997	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS TP. Tân Uyên		61.5	2.5	64.0	x		
8	tỉnh Bình Dương	0315	Phan Văn Hiếu	Nam	1998	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		62.0		62.0		x	
9	tỉnh Bình Dương	0314	Nguyễn Thị Thanh Hà	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		59.5		59.5		x	
10	tỉnh Bình Dương	0320	Nguyễn Thị Yến	Nữ	1997	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		58.0		58.0		x	
11	tỉnh Bình Dương	0330	Trần Thị Thanh Nhân	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS TP.Thủ Dầu Một		57.8		57.8	x		
12	tỉnh Bình Dương	0322	Nguyễn Ngọc Tuyết Nhung	Nữ	2002	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS TP. Dĩ An		51.5		51.5		x	

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
B.1.7. Bình Phước: 5 chỉ tiêu														
1	tỉnh Bình Phước	0335	Phan Thị Xuân Hậu	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		63.5		63.5	x		Chi cục THADS huyện Bình Long : 1 chỉ tiêu, huyện Đồng Phú : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Bình Phước	0337	Phùng Thị Hoa Mơ	Nữ	1983	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập	x	56.3	5	61.3	x		
3	tỉnh Bình Phước	0336	Hoàng Mạnh Hùng	Nam	1999	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		54.3		54.3		x	
4	tỉnh Bình Phước	0338	Nguyễn Hữu Phước	Nam	1993	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Phú Riềng		50.0		50.0	x		
B.1.8. Bình Thuận: 4 chỉ tiêu														
1	tỉnh Bình Thuận	0340	Nguyễn Kim Dương	Nam	1987	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Nam		75.0		75.0	x		
2	tỉnh Bình Thuận	0351	Nguyễn Phước Phú Vinh	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Tuy Phong		69.8		69.8	x		
3	tỉnh Bình Thuận	0344	Huỳnh Thị Thùy Trang	Nữ	1995	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Phú Quý		69.5		69.5	x		
4	tỉnh Bình Thuận	0347	Nguyễn Thị Hồng Ngự	Nữ	1996	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Tân Linh		67.0		67.0	x		
B.1.9. Cà Mau: 3 chỉ tiêu														
1	tỉnh Cà Mau	0354	Huỳnh Thùy Như	Nữ	1995	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		70.0		70.0	x		Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Cà Mau	0352	Nguyễn Tín Đức	Nam	1994	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		62.3		62.3	x		
3	tỉnh Cà Mau	0355	Huỳnh Lâm Uyên	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		56.0		56.0		x	

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
B.1.10. Đắk Lắk: 7 chỉ tiêu														
1	tỉnh Đắk Lắk	0094	Triệu Nữ Thiên Thanh	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		81.3	5	86.3	x		Chi cục THADS huyện Buôn Hồ : 1 chỉ tiêu, huyện M'Drắk : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Đắk Lắk	0099	Tạ Ngọc Sáng	Nam	1989	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Krông Búk	x	76.0		76.0	x		
3	tỉnh Đắk Lắk	0096	Nguyễn Thị Trúc Nhã	Nữ	1998	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Ea H'leo		67.5	5	72.5	x		
4	tỉnh Đắk Lắk	0102	Lê Hoàng Nam	Nam	1998	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Krông Pắc		71.5		71.5	x		
5	tỉnh Đắk Lắk	0091	Đặng Quốc Hùng	Nam	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		68.8		68.8	x		
6	tỉnh Đắk Lắk	0101	Nguyễn Thái Khoa	Nam	1997	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Krông Pắc		68.8		68.8		x	
7	tỉnh Đắk Lắk	0095	Trần Thị Yến Vy	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		67.5		67.5		x	
B.1.11. Đồng Nai: 07 chỉ tiêu														
1	tỉnh Đồng Nai	0359	Lê Minh Thư	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Long Thành		75.0		75.0	x		
2	tỉnh Đồng Nai	0358	Nguyễn Chánh Lộc	Nam	1992	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ		62.0	2.5	64.5	x		
3	tỉnh Đồng Nai	0357	Trần Đình Lâm	Nam	1991	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ		61.8	2.5	64.3	x		
4	tỉnh Đồng Nai	0360	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	1988	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Nhơn Trạch		53.5		53.5	x		
5	tỉnh Đồng Nai	0362	Đoàn Thị Hà Châu	Nữ	1998	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Thống Nhất		50.3		50.3	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
B.1.12. Đồng Tháp: 05 chỉ tiêu														
1	tỉnh Đồng Tháp	0369	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò		68.3		68.3	x		Chi cục THADS thành phố Sa Đéc : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Đồng Tháp	0368	Trần Thị Tú Trinh	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		57.8		57.8	x		
3	tỉnh Đồng Tháp	0370	Dương Lê Quỳnh Oanh	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò		52.8		52.8		x	
4	tỉnh Đồng Tháp	0371	Lê Thị Ánh Nhi	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình		50.5		50.5	x		
5	tỉnh Đồng Tháp	0366	Bùi Thành Lợi	Nam	1993	Tổ chức thi hành án	Cục THADS	x	50.3		50.3	x		
B.1.13. Hà Tĩnh: 1 chỉ tiêu														
1	tỉnh Hà Tĩnh	0109	Phạm Thị Thùy Linh	Nữ	1998	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Hương Khê		82.3		82.3	x		
B.1.14. Hoà Bình: 1 chỉ tiêu														
1	tỉnh Hòa Bình	0113	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	1996	Tổ chức thi hành án	Cục THADS	x	77.3		77.3	x		
B.1.15. Khánh Hoà: 3 chỉ tiêu														
1	tỉnh Khánh Hòa	0115	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS TP. Nha Trang		87.8		87.8	x		
2	tỉnh Khánh Hòa	0114	Đặng Thị Quỳnh Anh	Nữ	1997	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS TP. Nha Trang		78.0		78.0	x		
3	tỉnh Khánh Hòa	0120	Huỳnh Quang Việt	Nam	1982	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS TP. Nha Trang		77.0		77.0	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
B.1.16. Kiên Giang: 8 chỉ tiêu														
1	tỉnh Kiên Giang	0379	Nguyễn Đoàn Hạnh Vy	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		72.0		72.0	x		Chi cục THADS huyện Rạch Giá : 1 chỉ tiêu, huyện Hòn Đất : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Kiên Giang	0376	Phạm Thị Cẩm Linh	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		66.3		66.3	x		
3	tỉnh Kiên Giang	0382	Danh Diễm Trang	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Gò Quao		60.8	5	65.8	x		
4	tỉnh Kiên Giang	0384	Trần Văn Trường	Nam	1998	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Hòn Đất		61.5		61.5	x		
5	tỉnh Kiên Giang	0380	Lê Hà Danh Lam	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Châu Thành		60.5		60.5	x		
6	tỉnh Kiên Giang	0377	Lê Văn Thịnh	Nam	1999	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		55.5		55.5		x	
7	tỉnh Kiên Giang	0378	Võ Văn Vũ	Nam	1999	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		54.3		54.3		x	
8	tỉnh Kiên Giang	0386	Huỳnh Phạm Thảo Vy	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS thành phố Rạch Giá		50.3		50.3	x		
B.1.17. Lai Châu: 4 chỉ tiêu														
1	tỉnh Lai Châu	0137	Trần Đặng Việt Hoàng	Nam	1997	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Nậm Nhùn		78.5		78.5	x		Chi cục THADS huyện Tam Đường : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Lai Châu	0128	Lê Thị Hồng Ngát	Nữ	1997	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		75.5		75.5	x		
3	tỉnh Lai Châu	0121	Lò Thành Công	Nam	1998	Tổ chức thi hành án	Cục THADS	x	65.0	5	70.0	x		
4	tỉnh Lai Châu	0122	Nguyễn Việt Cường	Nam	1996	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		69.0		69.0		x	
B.1.18. Lâm Đồng: 6 chỉ tiêu														
1	tỉnh Lâm Đồng	0391	Trần Thị Hạnh	Nữ	1996	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Đơn Dương		75.5		75.5	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	tỉnh Lâm Đồng	0389	Thân Chí Nguyên	Nam	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Di Linh		70.3		70.3	x		
3	tỉnh Lâm Đồng	0394	Vương Ngọc Uyên	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Lâm Hà		66.5		66.5	x		
B.1.19. Long An: 5 chỉ tiêu														
1	tỉnh Long An	0399	Lê Quốc Cường	Nam	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		70.8		70.8	x		Chi cục THADS huyện Thủ Thừa : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Long An	0403	Lê Hồng Như Ngọc	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		64.5		64.5	x		
3	tỉnh Long An	0401	Đặng Vũ Khanh	Nam	1992	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		59.8	2.5	62.3	x		
4	tỉnh Long An	0405	Bạch Hoàng Phúc	Nam	1996	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		59.0		59.0	x		
5	tỉnh Long An	0398	Nguyễn Phước Bình	Nam	1990	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		52.3		52.3		x	
B.1.20. Nghệ An: 3 chỉ tiêu														
1	tỉnh Nghệ An	0157	Trần Văn Thịnh	Nam	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn		74.0	5	79.0	x		Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Nghệ An	0160	Huỳnh Thị Khánh Linh	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Quỳnh Châu		72.0		72.0	x		
3	tỉnh Nghệ An	0162	Phạm Thị Thúy Quyên	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Quỳnh Châu		67.0		67.0		x	
B.1.21. Ninh Bình: 3 chỉ tiêu														
1	tỉnh Ninh Bình	0141	Lê Vũ Hùng	Nam	1998	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		70.0		70.0	x		
2	tỉnh Ninh Bình	0142	Bùi Thị Thùy Linh	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		66.5		66.5	x		
3	tỉnh Ninh Bình	0149	Lã Thị Phương Thảo	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		56.0		56.0	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
B.1.22. Phú Thọ: 1 chỉ tiêu														
1	tỉnh Phú Thọ	0164	Nguyễn Kiều Oanh	Nữ	1997	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Đoan Hùng		64.5		64.5	x		
B.1.23. Phú Yên: 1 chỉ tiêu														
1	tỉnh Phú Yên	0165	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		63.5		63.5	x		
B.1.24. Quảng Nam: 1 chỉ tiêu														
1	tỉnh Quảng Nam	0167	Nguyễn Quang Linh	Nam	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Phước Sơn		73.5		73.5	x		
B.1.25. Sóc Trăng: 3 chỉ tiêu														
1	tỉnh Sóc Trăng	0410	Duyên Minh Trang	Nữ	1995	Tổ chức thi hành án	Cục THADS	x	65.0		65.0	x		Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Sóc Trăng	0413	Huỳnh Thị Tuyết Linh	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Châu Thành	x	65.0		65.0	x		
3	tỉnh Sóc Trăng	0411	Trần Hoàng An	Nam	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Châu Thành		65.0		65.0		x	
B.1.26. Tây Ninh: 16 chỉ tiêu														
1	tỉnh Tây Ninh	0418	Nguyễn Vũ An	Nam	1997	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Tân Biên		75.5		75.5	x		
2	tỉnh Tây Ninh	0428	Võ Thành Long	Nam	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS thành phố Tây Ninh		61.3		61.3	x		
3	tỉnh Tây Ninh	0416	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		53.8		53.8	x		
4	tỉnh Tây Ninh	0417	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	1998	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		53.0		53.0	x		
5	tỉnh Tây Ninh	0425	Nguyễn Quốc Ngữ	Nam	1985	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Châu Thành		50.5	2.5	53.0	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
B.1.27. Thái Nguyên: 1 chỉ tiêu														
1	tỉnh Thái Nguyên	0171	Nông Bế Nguyễn Cường	Nam	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Đại Từ		66.3	5	71.3	x		
B.1.28. Thanh Hoá: 2 chỉ tiêu														
1	tỉnh Thanh Hóa	0178	Nguyễn Sỹ Thịnh	Nam	1996	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Quan Sơn		67.3		67.3	x		
2	tỉnh Thanh Hóa	0175	Hà Huyền Trang	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Quan Hóa		61.8	5	66.8	x		
B.1.29. Tiền Giang: 5 chỉ tiêu														
1	tỉnh Tiền Giang	0438	Mai Hạ Ngọc Thịnh	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy		68.3		68.3	x		Cục THADS tỉnh Tiền Giang : 1 chỉ tiêu, Chi cục THADS huyện Châu Thành : 2 chỉ tiêu, huyện Gò Công Đông : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Tiền Giang	0439	Đặng Thị Lệ Thủy	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy		50.0		50.0		x	
B.1.30. Trà Vinh: 12 chỉ tiêu														
1	tỉnh Trà Vinh	0445	Lư Thị Diệp	Nữ	1993	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Trà Cú	x	68.0	5	73.0	x		
2	tỉnh Trà Vinh	0446	Sơn Thái Ngoan	Nam	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Trà Cú	x	55.3	5	60.3	x		
B.1.31. Vĩnh Long: 5 chỉ tiêu														
1	tỉnh Vĩnh Long	0449	Lê Thị Kim Sang	Nữ	1995	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Trà Ôn		65.5		65.5	x		
2	tỉnh Vĩnh Long	0448	Ngô Yến Ngân	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		59.3		59.3	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
B.1.32. Cần Thơ: 4 chỉ tiêu														
1	TP. Cần Thơ	0457	Lê Thị Ngọc Trân	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Ninh Kiều		68.5		68.5	x		Cục THADS TP Cần Thơ : 1 chỉ tiêu, Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh : 1 chỉ tiêu
2	TP. Cần Thơ	0453	Lê Thị Xuân Mai	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Thới Lai		66.5		66.5	x		
3	TP. Cần Thơ	0455	Trần Lê Nhã Uyên	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Thới Lai		59.8		59.8		x	
4	TP. Cần Thơ	0454	Trác Huỳnh Quốc Sỹ	Nam	2001	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Thới Lai		58.0		58.0		x	
B.1.33. Hà Nội: 9 chỉ tiêu														
1	TP. Hà Nội	0204	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	1992	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Ba Đình		85.5		85.5	x		Chi cục THADS quận Ba Vì : 2 chỉ tiêu, huyện Mỹ Đức : 1 chỉ tiêu, huyện Ứng Hoà : 1 chỉ tiêu
2	TP. Hà Nội	0209	Nguyễn Trung Đức	Nam	1997	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng		85.0		85.0	x		
3	TP. Hà Nội	0208	Bùi Khánh Vân	Nữ	1994	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Cầu Giấy		83.5		83.5	x		
4	TP. Hà Nội	0195	Phí Thị Thùy	Nữ	1986	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Quốc Oai		77.5	5	82.5	x		
5	TP. Hà Nội	0202	Lê Minh Duy	Nam	1992	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Ba Đình	x	81.5		81.5		x	
6	TP. Hà Nội	0206	Lê Mai Chi	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Cầu Giấy		72.0	5	77.0		x	
7	TP. Hà Nội	0201	Đình Hoàng Dũng	Nam	1993	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Ba Đình		75.0		75.0		x	
8	TP. Hà Nội	0194	Hà Ngọc Thắng	Nam	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Quốc Oai		73.8		73.8		x	
9	TP. Hà Nội	0188	Nguyễn Thị Hồng Loan	Nữ	1998	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Hoài Đức		73.5		73.5	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
B.1.34. Hải Phòng: 3 chỉ tiêu														
1	TP. Hải Phòng	0215	Đặng Đoàn Phương Nam	Nam	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		85.5		85.5	x		
2	TP. Hải Phòng	0214	Nguyễn Thị Thanh Hà	Nữ	1996	Tổ chức thi hành án	Cục THADS	x	72.0		72.0	x		
3	TP. Hải Phòng	0217	Nguyễn Hà Phương	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		68.5		68.5	x		
B.1.35. TP. Hồ Chí Minh: 36 chỉ tiêu														
1	TP. Hồ Chí Minh	0463	Vũ Văn Anh	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		89.0	5	94.0	x		Chi cục THADS Quận 1 : 1 chỉ tiêu, Quận 3 : 1 chỉ tiêu, Quận 8 : 2 chỉ tiêu, Quận 12 : 1 chỉ tiêu, quận Phú Nhuận : 1 chỉ tiêu, huyện Củ Chi : 3 chỉ tiêu
2	TP. Hồ Chí Minh	0530	Nguyễn Thị Hoài Thư	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		83.0		83.0	x		
3	TP. Hồ Chí Minh	0549	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	2001	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Hóc Môn		81.5		81.5	x		
4	TP. Hồ Chí Minh	0559	Lê Trần Quỳnh Như	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS Quận 4		81.0		81.0	x		
5	TP. Hồ Chí Minh	0565	Tống Hoàng Anh	Nữ	1995	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận 8		80.0		80.0	x		
6	TP. Hồ Chí Minh	0587	Nguyễn Thành Đạt	Nam	1993	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Tân Bình		79.3		79.3	x		
7	TP. Hồ Chí Minh	0564	Nguyễn Huỳnh Minh Thư	Nữ	1997	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS Quận 7		79.0		79.0	x		
8	TP. Hồ Chí Minh	0470	Nguyễn Thị Minh Duyên	Nữ	1998	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		78.5		78.5	x		
9	TP. Hồ Chí Minh	0534	Phan Chí Trung	Nam	1999	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		78.0		78.0	x		
10	TP. Hồ Chí Minh	0489	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		77.8		77.8	x		
11	TP. Hồ Chí Minh	0521	Châu Kiệt Tường	Nam	1998	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		72.5	5	77.5	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
12	TP. Hồ Chí Minh	0488	Đậu Đình Khoa	Nam	1998	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		77.0		77.0	x		Chi cục THADS Quận 1 : 1 chỉ tiêu, Quận 3 : 1 chỉ tiêu, Quận 8 : 2 chỉ tiêu, Quận 12 : 1 chỉ tiêu, quận Phú Nhuận : 1 chỉ tiêu, huyện Củ Chi : 3 chỉ tiêu
13	TP. Hồ Chí Minh	0550	Trương Tiểu Linh	Nữ	1996	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Hóc Môn		76.5		76.5	x		
14	TP. Hồ Chí Minh	0520	Bùi Anh Tuấn	Nam	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		76.0		76.0	x		
15	TP. Hồ Chí Minh	0551	Nguyễn Thành Long	Nam	2001	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Hóc Môn		75.0		75.0	x		
16	TP. Hồ Chí Minh	0584	Nguyễn Bá Du	Nam	1994	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Bình Thạnh		70.0	5	75.0	x		
17	TP. Hồ Chí Minh	0533	Dương Thị Trâm	Nữ	1996	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		73.5		73.5	x		
18	TP. Hồ Chí Minh	0482	Nguyễn Quang Huy	Nam	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		73.3		73.3	x		
19	TP. Hồ Chí Minh	0471	Nguyễn Hải Dương	Nam	1996	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		71.5		71.5	x		
20	TP. Hồ Chí Minh	0514	Nguyễn Ngọc Trúc Quỳnh	Nữ	1998	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		70.5		70.5	x		
21	TP. Hồ Chí Minh	0486	Nguyễn Thị Thanh Hương	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		70.3		70.3	x		
22	TP. Hồ Chí Minh	0588	Nguyễn Hồng Nhật	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Tân Bình		70.3		70.3	x		
23	TP. Hồ Chí Minh	0542	Nguyễn Thị Thanh Hà	Nữ	1990	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Củ Chi		64.5	5	69.5	x		
24	TP. Hồ Chí Minh	0494	Nguyễn Thị Phương Nga	Nữ	1997	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		69.0		69.0	x		
25	TP. Hồ Chí Minh	0523	Võ Thị Mỹ Thành	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		69.0		69.0		x	
26	TP. Hồ Chí Minh	0552	Huỳnh Ngọc Tâm Như	Nữ	1998	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Hóc Môn		69.0		69.0		x	

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
27	TP. Hồ Chí Minh	0576	Nguyễn Kim Công	Nam	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Bình Tân		69.0		69.0	x		Chi cục THADS Quận 1 : 1 chỉ tiêu, Quận 3 : 1 chỉ tiêu, Quận 8 : 2 chỉ tiêu, Quận 12 : 1 chỉ tiêu, quận Phú Nhuận : 1 chỉ tiêu, huyện Củ Chi : 3 chỉ tiêu
28	TP. Hồ Chí Minh	0540	Lê Thị Yên Xuân	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		68.8		68.8		x	
29	TP. Hồ Chí Minh	0580	Bùi Nguyễn Ý Nhi	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Bình Tân		68.8		68.8	x		
30	TP. Hồ Chí Minh	0507	Nguyễn Hồng Phúc	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		68.5		68.5		x	
31	TP. Hồ Chí Minh	0525	Hồ Thu Thảo	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		68.3		68.3		x	
32	TP. Hồ Chí Minh	0469	Huỳnh Vũ Mỹ Duyên	Nữ	1998	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		68.0		68.0		x	
33	TP. Hồ Chí Minh	0517	Nguyễn Thị Bích Tiên	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		68.0		68.0		x	
34	TP. Hồ Chí Minh	0578	Bùi Minh Hoàng	Nam	1997	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Bình Tân		64.5	2.5	67.0	x		
35	TP. Hồ Chí Minh	0504	Lê Nguyễn Ý Nhi	Nữ	1994	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		66.8		66.8		x	
36	TP. Hồ Chí Minh	0510	Nguyễn Thị Lan Phương	Nữ	1993	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		66.5		66.5		x	
B.2. Vị trí Văn thư														
B.2.1. Vĩnh Long: 1 chỉ tiêu														
1	tỉnh Vĩnh Long	0624	Huỳnh Thị Tân Tân	Nữ	1999	Văn thư	Cục THADS	x	71.0		71.0	x		
B.2.2. Vĩnh Phúc: 2 chỉ tiêu														
1	tỉnh Vĩnh Phúc	0267	Đỗ Kim Anh	Nữ	1999	Văn thư	Chi cục THADS thành phố Phúc Yên	x	82.5		82.5	x		
2	tỉnh Vĩnh Phúc	0270	Hoàng Thị Loan	Nữ	1982	Văn thư	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương	x	79.0		79.0	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
B.2.3. TP. Hồ Chí Minh: 5 chỉ tiêu														
1	TP. Hồ Chí Minh	0633	Nguyễn Thị Thu Xuân	Nữ	1992	Văn thư	Chi cục THADS quận 12	x	83.5		83.5	x		Cục THADS TP Hồ Chí Minh : 1 chỉ tiêu, Quận Bình Tân : 1 chỉ tiêu
2	TP. Hồ Chí Minh	0632	Nguyễn Thanh Tú	Nam	1996	Văn thư	Chi cục THADS Quận 10	x	74.0		74.0	x		
B.3. Vị trí Công nghệ thông tin														
B.3.1. Bến Tre: 1 chỉ tiêu														
1	tỉnh Bến Tre	0611	Cao Quốc Hưng	Nam	2000	Công nghệ thông tin	Cục THADS		53.0		53.0	x		
B.3.2. Long An: 1 chỉ tiêu														
1	tỉnh Long An	0612	Huỳnh Phương Thành	Nam	1991	Công nghệ thông tin	Cục THADS		50.0	2.5	52.5	x		
B.4. Vị trí Kế toán viên														
B.4.1. An Giang: 3 chỉ tiêu														
1	tỉnh An Giang	0590	Nguyễn Ngọc Thạch	Nữ	1994	Kế toán viên	Chi cục THADS huyện An Phú		57.5		57.5	x		
2	tỉnh An Giang	0592	Ngô Quốc Cường	Nam	1978	Kế toán viên	Chi cục THADS huyện Châu Phú		54.0		54.0	x		
B.4.2. Bắc Giang: 2 chỉ tiêu														
1	tỉnh Bắc Giang	0221	Vi Thị Ngọc Anh	Nữ	1998	Kế toán viên	Chi cục THADS huyện Sơn Động	x	76.0	5	81.0	x		Chi cục THADS huyện Yên Thế : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Bắc Giang	0222	Ngọc Thị Hương	Nữ	1992	Kế toán viên	Chi cục THADS huyện Sơn Động	x	51.0	5	56.0		x	

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
B.4.3. Bạc Liêu: 2 chỉ tiêu														
1	tỉnh Bạc Liêu	0595	Hứa Thị Yến Nhi	Nữ	1999	Kế toán viên	Cục THADS		62.0		62.0	x		Chi cục THADS huyện Giá Rai : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Bạc Liêu	0596	Nguyễn Thị Hồng Tươi	Nữ	1995	Kế toán viên	Cục THADS		59.5		59.5		x	
B.4.4. Cao Bằng: 2 chỉ tiêu														
1	tỉnh Cao Bằng	0224	Hoàng Thị Diệu Linh	Nữ	1999	Kế toán viên	Chi cục THADS huyện Nguyên Bình	x	83.5	5	88.5	x		
2	tỉnh Cao Bằng	0227	Trương Tố Hạnh	Nữ	1992	Kế toán viên	Chi cục THADS thành phố Cao Bằng	x	70.0	5	75.0	x		
B.4.5. Hà Giang: 3 chỉ tiêu														
1	tỉnh Hà Giang	0231	Nguyễn Thị Thoại	Nữ	1988	Kế toán viên	Chi cục THADS huyện Yên Minh	x	63.5	5	68.5	x		
2	tỉnh Hà Giang	0229	Âu Thị Luyến	Nữ	1990	Kế toán viên	Chi cục THADS huyện Hoàng Su Phì	x	56.5	5	61.5	x		
3	tỉnh Hà Giang	0230	Hoàng Thu Thủy	Nữ	2000	Kế toán viên	Chi cục THADS huyện Quang Bình	x	50.5	5	55.5	x		
B.4.6. Hà Tĩnh: 2 chỉ tiêu														
1	tỉnh Hà Tĩnh	0232	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	1992	Kế toán viên	Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh		65.5		65.5	x		
B.4.7. Hưng Yên: 2 chỉ tiêu														
1	tỉnh Hưng Yên	0234	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	1996	Kế toán viên	Chi cục THADS TP. Hưng Yên		89.0		89.0	x		Chi cục THADS huyện Khoái Châu : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Hưng Yên	0233	Nguyễn Đức Hiệp	Nam	1994	Kế toán viên	Chi cục THADS TP. Hưng Yên		50.0		50.0		x	

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
B.4.8. Long An: 5 chỉ tiêu														
1	tỉnh Long An	0600	Trần Thị Ngọc Lan	Nữ	1992	Kế toán viên	Cục THADS		67.5		67.5	x		
2	tỉnh Long An	0601	Trần Thị Thuý Ngân	Nữ	1993	Kế toán viên	Cục THADS		52.0		52.0	x		
4	tỉnh Long An	0599	Nguyễn Thị Kim Hương	Nữ	2001	Kế toán viên	Cục THADS		50.0		50.0	x		
B.4.9. Nghệ An: 3 chỉ tiêu														
1	tỉnh Nghệ An	0235	Trần Thị Hà Phương	Nữ	1998	Kế toán viên	Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu		64.0		64.0	x		Chi cục THADS huyện Diễn Châu : 1 chỉ tiêu, huyện Nghĩa Đàn : 1 chỉ tiêu
B.4.10. Hà Nội: 7 chỉ tiêu														
1	TP. Hà Nội	0237	Dương Quỳnh Anh	Nữ	1997	Kế toán viên	Cục THADS		75.5		75.5	x		Chi cục THADS quận Hoàng Mai : 1 chỉ tiêu, quận Đống Đa : 1 chỉ tiêu, quận Nam Từ Liêm : 1 chỉ tiêu
2	TP. Hà Nội	0243	Lương Nguyễn Thu Hường	Nữ	1999	Kế toán viên	Cục THADS		73.0		73.0	x		
3	TP. Hà Nội	0244	Phan Thị Hương Lan	Nữ	2001	Kế toán viên	Cục THADS		67.5		67.5	x		
4	TP. Hà Nội	0236	Cồ Ngọc Anh	Nữ	1995	Kế toán viên	Cục THADS		64.0		64.0		x	
5	TP. Hà Nội	0249	Nguyễn Yến Linh	Nữ	2001	Kế toán viên	Chi cục THADS quận Ba Đình, thành phố Hà Nội		64.0		64.0	x		
6	TP. Hà Nội	0239	Đậu Tấn Dũng	Nam	1997	Kế toán viên	Cục THADS		62.5		62.5		x	
7	TP. Hà Nội	0246	Ngô Khánh Nam	Nam	1997	Kế toán viên	Cục THADS		55.0		55.0		x	

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
B.4.11. TP Hồ Chí Minh: 02 chỉ tiêu														
1	TP. Hồ Chí Minh	0605	Nguyễn Thị Kiều Diễm	Nữ	2000	Kế toán viên	Chi cục THADS quận Bình Tân		50.0		50.0	x		Chi cục THADS huyện Cần Giờ : 1 chỉ tiêu
B.5. Vị trí Thủ kho, thủ quỹ														
B.5.1. An Giang: 1 chỉ tiêu														
1	tỉnh An Giang	0614	Lê Thị Lan Chi	Nữ	1992	Thủ kho, Thủ quỹ	Chi cục THADS huyện Châu Phú	x	54.5		54.5	x		
B.5.2. Tây Ninh: 4 chỉ tiêu														
1	tỉnh Tây Ninh	0616	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	1998	Thủ kho, Thủ quỹ	Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng	x	68.0		68.0	x		Chi cục THADS huyện Hoà Thành : 1 chỉ tiêu, huyện Châu Thành : 1 chỉ tiêu, huyện Tân Châu : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Tây Ninh	0617	Hoàng Thị Hồng Hạnh	Nữ	1993	Thủ kho, Thủ quỹ	Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng	x	63.5		63.5		x	
3	tỉnh Tây Ninh	0618	Nguyễn Thị Xuân Hoa	Nữ	1993	Thủ kho, Thủ quỹ	Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng	x	62.5		62.5		x	
B.5.3. TP Hồ Chí Minh: 01 chỉ tiêu														
1	TP. Hồ Chí Minh	0619	Trần Thị Hoa	Nữ	1990	Thủ kho, Thủ quỹ	Chi cục THADS huyện Hóc Môn	x	73.5		73.5		x	
B.6. Vị trí Tổ chức nhân sự														
B.6.1. An Giang: 1 chỉ tiêu														
1	tỉnh An Giang	0606	Phan Huỳnh Loan	Nữ	2000	Tổ chức nhân sự	Cục THADS		60.8		60.8	x		
B.6.2. Bạc Liêu: 1 chỉ tiêu														
1	tỉnh Bạc Liêu	0608	Nguyễn Ngọc Như	Nữ	1997	Tổ chức nhân sự	Cục THADS		68.5		68.5	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
B.6.3. Hà Nội: 2 chỉ tiêu														
1	TP. Hà Nội	0265	Nguyễn Ngọc Thảo	Nữ	2001	Tổ chức nhân sự	Cục THADS		75.0		75.0	x		
2	TP. Hà Nội	0266	Lê Thanh Thùy	Nữ	1994	Tổ chức nhân sự	Cục THADS		74.0		74.0	x		
B.6.4. Tiền Giang: 1 chỉ tiêu														
1	tỉnh Tiền Giang	0609	Lê Thành Đạt	Nam	1996	Tổ chức nhân sự	Cục THADS		88.3		88.3	x		